

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày: 28/6/2024

V/v: “Tranh chấp về
hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Trần Thị Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS, ngày 11 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 266 – 268 đường N K Kh Ngh, Phường B, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H – Phó Giám đốc Chi nhánh Long Khánh kiêm Trưởng phòng giao dịch Phương Lâm - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (theo giấy ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC, ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc). Ông H ủy quyền lại cho bà Ngô Thị Cẩm H – Nhân viên Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (theo giấy ủy quyền số 03/2024/UQ-PL ngày 29/3/2024).

Địa chỉ: Ấp Ng L, xã Ph Th, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Hữu H – sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp C, xã Ph Th, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 3 năm 2024 và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Cẩm H trình bày:

Vào ngày 18/7/2023, bà Trần Thị Hữu H có ký hợp đồng về giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cho cá nhân số 2821081 với Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng) với hạn mức được cấp 30.000.000 đồng. Thời hạn không xác định.

Ngày 27/7/2023, bà H quẹt thẻ để rút hết số tiền 30.000.000 đồng. Lãi suất được tính như sau: Trong vòng 55 ngày mà bà H nộp thanh toán cho Ngân hàng thì tiền lãi sẽ được Ngân hàng không tính nhưng hết 55 ngày bà H không thanh toán cho Ngân Hàng thì tiền lãi được tính từ ngày bà H quẹt thẻ rút số tiền 30.000.000 đồng (tức tiền lãi tính từ ngày 27/7/2023) theo Điều 5 mục 5.6 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân với lãi suất trong hạn 2,77% và lãi suất quá hạn 150% trong hạn. Tuy nhiên, trong kì sao kê đầu tiên, bà H chỉ thanh toán một phần dư nợ, nên lãi phát sinh từ lúc bà H giao dịch (ngày 27/07/2023) đến lần sao kê thứ 2 (ngày 22/09/2023) là 1.591.392 đồng (trong 57 ngày).

Trong quá trình vay bà Trần Thị Hữu H chưa thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc nào hết và thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng 5.991.000 đồng tính đến ngày 22/02/2024. Từ ngày 23/02/2024 đến nay bà H không thanh toán tiền lãi và gốc cho Ngân hàng mặc dù đã nhiều lần nhắc nhở, làm việc, gọi điện nhưng bà H vẫn không có thiện chí trả nợ.

Ngày 22/04/2024, khoản nợ của bà H được Ngân hàng chuyển sang nợ nhóm 3 (nợ xấu), với mức lãi suất áp dụng cho bà H khi chuyển nhóm nợ xấu là 4.15%/tháng. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 5 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 04/05/2024 Ngân hàng đã thực hiện thanh lý (hủy) thẻ tín dụng của bà H.

Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu bà Trần Thị Hữu H trả ngay cho Ngân hàng A số tiền gốc 30.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.236.739 đồng, lãi quá hạn 3.079.722 đồng, tất cả tính đến ngày 28/6/2024. Tổng cộng 36.316.461 đồng.

Kể từ ngày 29/6/2024, bà Trần Thị Hữu H phải tiếp tục chịu lãi theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2821081, ngày 18/7/2023 cho đến khi thi tất toán xong khoản vay.

** Bị đơn bà Trần Thị Hữu H:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị Hữu H không có mặt để trình bày ý kiến mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Bà H không có yêu cầu phản tố.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn bà Trần Thị Hữu H không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền gốc 30.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.236.739 đồng, lãi quá hạn 3.079.722 đồng, tất cả tính đến ngày 28/6/2024. Tổng cộng 36.316.461 đồng.

- *Về án phí:* Bà Trần Thị Hữu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị Hữu H có nơi cư trú tại xã Ph Th, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng: Ngân hàng A khởi kiện bà Trần Thị Hữu H trên cơ sở hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngân hàng A là người khởi kiện bà H nên xác định tư cách đương sự Ngân hàng A là nguyên đơn, bà H là bị đơn. Tư cách đương sự được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 149 của Bộ luật dân sự năm 2015 do đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án.

[1.4] Tổng đạt văn bản tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Ngày 11/6/2024, Tòa án mở phiên tòa nhưng do bà Trần Thị Hữu H vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 28/6/2024.

Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù bà Trần Thị Hữu H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Yêu cầu bà Trần Thị Hữu H trả ngay cho Ngân hàng A số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.236.739 đồng, lãi quá hạn 3.079.722 đồng, tất cả tính đến ngày 28/6/2024. Tổng cộng 36.316.461 đồng.

Kể từ ngày 29/6/2024, bà Trần Thị Hữu H phải tiếp tục chịu lãi theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2821081, ngày 18/7/2023 cho đến khi thi tất toán xong khoản vay.

[2.1] Về hình thức của Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2821081, ngày 18/7/2023 (viết tắt Hợp đồng thẻ tín dụng ngày 18/7/2023) giữa Ngân hàng A và bà Trần Thị Hữu H: Ngân hàng A là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng và các quy định khác của pháp luật và được phép cấp tín dụng tiêu dùng.

Tại thời điểm ký hợp đồng thẻ tín dụng ngày 18/7/2023, bà Trần Thị Hữu H đã cung cấp các giấy tờ tùy thân, ký tên vào giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân từ đó thể hiện việc ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện và nguời ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, hợp đồng thẻ tín dụng ngày 18/7/2023 đã ký kết đảm bảo về mặt hình thức và có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.2]. Về thực hiện hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán: Căn cứ vào hợp đồng thẻ tín dụng ngày 18/7/2023, bảng tóm tắt sao kê và các chứng cứ khác có trong vụ án có cơ sở xác định Ngân hàng A cấp cho bà Trần Thị Hữu H thẻ tín dụng với hạn mức là 30.000.000 đồng vào ngày 18/7/2023. Do bà Trần Thị Hữu H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ theo thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng.

[2.3]. Về yêu cầu trả nợ gốc: Bà Trần Thị Hữu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng thẻ tín dụng ngày 18/7/2023. Do đó, Ngân hàng A yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả nợ gốc 30.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 351; Điều 357; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.4]. Về yêu cầu trả tiền lãi: Số tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn mà Ngân hàng A yêu cầu bà Trần Thị Hữu H phải trả được tính dựa vào sự thỏa thuận giữa các bên của hợp đồng thẻ tín dụng ngày 18/7/2023 và tại điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân có hiệu lực ngày 06/12/2023, thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng. Hiện nay, bà H đã thực hiện thanh toán cho Ngân hàng được số tiền lãi 5.991.000 đồng tính đến ngày 22/02/2024. Từ ngày 23/02/2024 đến 28/6/2024 bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho Ngân hàng. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng A về việc buộc bà H có nghĩa vụ trả số tiền nợ lãi trong hạn 3.236.739 đồng, quá hạn 3.079.722 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/6/2024) của hợp đồng thẻ tín dụng ngày 18/7/2023 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5]. Xét yêu cầu của Ngân hàng A về việc yêu cầu bà H tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 29/6/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng thẻ tín

dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ vay. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại hợp đồng thế tín dụng ngày 18/7/2023 nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.6] Xét bà Trần Thị Hữu H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của Ngân hàng A. Vì vậy, Ngân hàng A yêu cầu Tòa án buộc bà H thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[4] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 30.000.000 đồng, lãi trong hạn 3.236.739 đồng, lãi quá hạn 3.079.722 đồng, tất cả tính đến ngày 28/6/2024. Tổng cộng số tiền 36.316.461 đồng.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị Hữu H phải chịu 1.815.823 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 184, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 351; Điều 357; Điều 385; Điều 398; Điều 401; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Khoản 2 Điều 91; Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bà Trần Thị Hữu H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Trần Thị Hữu H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng A số tiền gốc 30.000.000^d (*ba mươi triệu đồng*), lãi trong hạn 3.236.739^d (*ba triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm ba mươi chín đồng*), lãi quá hạn 3.079.722^d (*ba triệu không trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng*), tất cả tính đến ngày 28/6/2024. Tổng cộng số tiền 36.316.461^d (*ba mươi sáu triệu ba trăm mười sáu ngàn bốn trăm sáu mươi một đồng*).

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị Hữu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của số tiền chưa thanh

toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 18/7/2023 và điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ cá nhân có hiệu lực ngày 06/12/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay.

Trường hợp trong hợp đồng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quy định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Hữu H phải chịu số tiền 1.815.823^d (một triệu tám trăm mười lăm ngàn tám trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 800.000^d (tám trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013043, ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đức